

Mẫu CBTT-03

an hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/4/2007 của Bộ trưởng l
Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Công ty cổ phần thủy sản
Bạc Liêu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
(Quý 3/2009)

I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Áp dụng với các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, dịch vụ)

Stt	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	171,444,525,383	179,440,357,198
1	tiền	8,635,499,855	14,875,812,140
2	hạn	10,733,448,747	10,939,601,917
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	46,958,626,589	48,689,099,009
4	Hàng tồn kho	90,223,052,813	93,431,987,594
5	Tài sản ngắn hạn khác	14,893,897,379	11,503,856,538
II	Tài sản dài hạn	137,909,698,321	152,250,627,670
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	126,699,110,873	140,154,806,989
	- Tài sản cố định hữu hình	112,193,132,849	119,305,443,520
	- Tài sản cố định vô hình	6,249,049,615	6,187,200,448
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	đang	8,256,928,409	14,662,163,021
3	Bất động sản đầu tư		
4	hạn	2,000,000,000	2,000,000,000
5	Tài sản dài hạn khác	9,210,587,448	10,095,820,681
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	309,354,223,704	331,690,984,868
IV	Nợ phải trả	236,730,719,782	259,744,837,425
1	Nợ ngắn hạn	234,760,044,642	252,146,101,285
2	Nợ dài hạn	1,970,675,140	7,598,736,140
V	Vốn chủ sở hữu	72,623,503,922	71,946,147,443
1	Vốn chủ sở hữu	72,288,042,308	71,610,486,019
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50,000,000,000	50,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	21,915,800,000	21,915,800,000
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Cổ phiếu quỹ		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ	463,691,970	463,691,970
	phối	(91,449,662)	(769,005,951)
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	335,461,614	335,661,424
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	335,461,614	335,661,424
	- Nguồn kinh phí		
	TSCĐ		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	309,354,223,704	331,690,984,868

II.A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Áp dụng với các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, dịch vụ)

ST T	Chỉ tiêu	Quý III/2009	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế 6T/09 theo BC quý II và QIII/2009	Chênh lệch lũy kế báo cáo quý III/2009 với lũy kế 6T/09 theo báo cáo quý II/2009 và QIII/2009
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	118,378,865,745	284,173,184,564	262,015,175,646	22,158,008,918
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		84,801,000	-	84,801,000
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	118,378,865,745	284,088,383,564	261,930,374,646	22,158,008,918
4	Giá vốn hàng bán	110,343,384,576	257,807,267,378	235,649,258,460	22,158,008,918
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8,035,481,169	26,281,116,186	26,281,116,186	-
6	Doanh thu hoạt động tài chính	5,912,272,187	9,885,246,771	9,885,246,771	-
7	Chi phí tài chính	2,713,326,103	9,115,751,411	9,114,418,078	1,333,333
8	Chi phí bán hàng	8,052,900,094	15,433,901,651	15,434,391,599	(489,948)
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3,215,460,842	8,218,849,276	8,218,849,276	-
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(33,933,683)	3,397,860,619	3,398,704,004	(843,385)
11	Thu nhập khác	3,404,835,310	7,824,875,523	7,824,875,523	-
12	Chi phí khác	3,145,511,333	9,939,554,374	9,939,554,374	-
13	Lợi nhuận khác	259,323,977	(2,114,678,851)	(2,114,678,851)	-
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	225,390,294	1,283,181,768	1,284,025,153	(843,385)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	56,347,574	320,795,442	321,006,289	(210,847)
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	169,042,721	962,386,326	963,018,865	(632,539)
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu				Để biết thêm về chênh lệch, xin đọc giải trình kèm theo BCTC
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu				

Ngày 15 tháng 10 năm 2009

Tổng Giám đốc công ty

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Đạm